

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 269/2024/DS-PT

Ngày: 24 - 4 - 2024

V/v "Tranh chấp hợp đồng gia công"

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt

Ông Huỳnh Ngọc Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thảo Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Công Có - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2024/TLPT-DS ngày 05/3/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng gia công".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2024/DS-ST ngày 02/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1039/2024/QĐ-PT ngày 15/3/2024. Quyết định hoãn phiên tòa số: 1290/2024/QĐPT-DS ngày 09/4/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn P, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số C, ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số B, ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh H: Ông Trần Quang K, sinh năm: 1996. Địa chỉ: G, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Thanh H: Bà Nguyễn Thị M, Công ty Luật luật sư M và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư T2. Địa chỉ: số A đường số C, khu dân cư S, khu phố M, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lương Thị M1, sinh năm 1975 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).
2. Chị Nguyễn Băng G, sinh năm 1995 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Số B, ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người làm chứng (do nguyên đơn triệu tập):*

1. Ông Trần Thanh H1, sinh năm 1975. Địa chỉ: 245/GX G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (có mặt).
2. Ông Võ Văn T, sinh năm 1974. Địa chỉ: 229/GCH, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (có mặt).
3. Bà Đặng Thị T1, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số C, ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Thanh H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Võ Văn P trình bày:

Vào ngày 09/01/2016, ông Nguyễn Thanh H có đến nhà thuê ông đóng gia công một chiếc tàu đánh cá.

Số lượng gỗ là 162 khối gỗ (Một trăm sáu mươi hai khối).

Giá gia công một khối gỗ là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) với tổng số tiền nhận gia công là 405.000.000 đồng (Bốn trăm lẻ năm triệu đồng).

Trong thời gian đóng tàu, ông H có nhiều lần trả tiền cho ông, cụ thể:

- Ngày 09/03/2016 ông H trả 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).
- Ngày 03/08/2016 ông H trả 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).
- Ngày 15/08/2016 ông H trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).
- Ngày 22/08/2016 ông H trả 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).
- Ngày 30/09/2016 ông H trả 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).
- Ngày 20/03/2017 con ông H là chị Nguyễn Băng G trả 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).
- Ngày 30/12/2017 ông H trả 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Tổng số tiền ông Nguyễn Thanh H và con ông H đã trả là 245.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Đến ngày 25/12/2018 con ông H là Nguyễn Băng G có trả tiếp số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Vợ ông H là bà Lương Thị M1 nhiều lần trả tiền cho ông, như sau:

- Ngày 28/12/2019 trả 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).
- Ngày 24/04/2020 trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).
- Ngày 10/07/2020 trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

- Ngày 29/12/2020 trả 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).
- Ngày 01/05/2021 trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).
- Ngày 10/10/2021 trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).
- Ngày 27/12/2021 trả 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Tổng số tiền ông H và vợ, con ông H đã trả cho ông P là 355.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Hiện ông H còn nợ lại ông P số tiền gia công đóng tàu là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Cho đến nay ông H vẫn không trả số tiền còn nợ trên cho ông P.

Ông Võ Văn P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ba Tri giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh H, bà Lương Thị M1, chị Nguyễn Băng G cùng liên đới trả cho ông số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Ông không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Võ Văn P xác định số khối gỗ ông sử dụng để gia công đóng tàu cho ông H là 161.5 khối gỗ. Số khối gỗ còn lại sau khi ông đóng tàu khoảng 0.5 khối gỗ. Do đó, ông P xác định lại yêu cầu khởi kiện, ông yêu cầu ông Nguyễn Thanh H, bà Lương Thị M1, chị Nguyễn Băng G cùng liên đới trả cho ông số tiền là $(161.5 \text{ khối} \times 2.500.000\text{đ/ khối}) = 48.750.000 \text{ đồng}$.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Ông thừa nhận có thỏa thuận miệng với ông Võ Văn P về việc thuê ông P gia công đóng tàu cá cho ông.

Việc gia công đóng tàu là hợp đồng miệng, không có giấy tờ, tiền gia công lúc đó là 2.450.000 đồng/khối gỗ. Lúc đầu hai bên thỏa thuận chỉ có 2.400.000 đồng/khối gỗ. Nhưng ông vẫn đồng ý thuê ông P gia công đóng tàu cho ông. Hai bên cũng chỉ thỏa thuận miệng chứ không có giấy tờ. Tổng khối gỗ ông đã cung cấp cho ông P để gia công tàu cho ông là 162 khối gỗ nhưng ông P chỉ sử dụng 159 khối gỗ, còn dư lại 03 khối gỗ thành phẩm không sử dụng. Vậy $159 \text{ khối gỗ} \times 2.450.000 \text{ đồng} = 389.550.000 \text{ đồng}$. Việc ông P tự ý ngưng ngang không thi công theo thỏa thuận làm thiệt hại kinh tế của ông vì Ngân hàng không giải ngân. Vì vậy, ông phải thuê thợ khác tiếp tục gia công đến khi hoàn thiện tàu. Tiền công thuê thợ làm phần còn dang dở là 33.340.000 đồng. Tổng số tiền ông đã trả cho ông P là 355.000.000 đồng cộng với số tiền ông đã thuê thợ khác gia công phần còn lại là 33.340.000 đồng thì ông chỉ còn nợ ông P là 1.150.000 đồng. Tuy nhiên, nếu ông tính giá trị 03 khối gỗ thành phẩm ông P tự ý chở về nhà là ông P còn thiếu tiền của ông.

Về phần chữ ký của Nguyễn Băng G trong giấy mà nguyên đơn cung cấp, ông giải thích do làm ăn thua lỗ nên ông phải đi làm và gửi tiền về cho con ông trả cho ông P. Khi con ông đến nhà của ông P thì vợ ông P bảo ký vào giấy để biết có nhận

tiền chứ hoàn toàn con ông không biết gì về hợp đồng làm ăn giữa ông và ông P.

Đối với chiếc tàu của ông hiện đã chìm từ lâu nên ông đi làm thuê để trả tiền cho ông P. Gia đình ông chỉ có phụ nữ, người già và trẻ em thì vợ chồng ông P đã đến nhà ông đòi đập phá nhà ông, dọa đánh con ông, chạy xe tông vào cửa rào nhà ông. Ông P đã tự ý ngưng ngang không gia công theo thỏa thuận nên đã gây ra nhiều thiệt hại cho ông nên ông hoàn toàn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông P.

Tại phiên tòa ông H vẫn giữ quan điểm không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với số gỗ còn lại sau khi ông P gia công đóng tàu khoảng 03 khối gỗ, ông H khẳng định không yêu cầu ông P phải trả lại giá trị 03 khối khối gỗ này.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Băng G trình bày.

Chị thống nhất với lời trình bày của ông H. Việc thỏa thuận gia công đóng tàu giữa ông P và cha chị thì chị hoàn toàn không biết, cũng không nắm rõ. Còn về chữ viết “Còn Nợ 160.000.00, 25/12-18 gửi 20.000.000, còn 140.000.00” là chữ viết của chị và chị có ký tên do khi chị đến nhà ông P trả tiền thay cho cha chị thì vợ ông P yêu cầu ghi như vậy.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 02/01/2024, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 36, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 119, 542, 544, 552, 547 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn P.

Buộc ông Nguyễn Thanh H, bà Lương Thị M1 liên đới thanh toán cho ông Võ Văn P số tiền còn nợ là 48.750.000 đồng (Bốn mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Ghi nhận việc ông P không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu chị Nguyễn Băng G có trách nhiệm liên đới cùng ông Nguyễn Thanh H và bà Lương

Thị M1 trả cho ông Võ Văn P số tiền nợ 48.750.000 đồng (Bốn mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/01/2024, bị đơn ông Nguyễn Thanh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 02/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn P.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Thanh H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn ông Võ Văn P không đồng ý kháng cáo của bị đơn. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Thanh H là Luật sư Nguyễn Thị M trình bày:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P thừa nhận không có biên bản bàn giao việc đóng tàu, do ông P chưa hoàn thành việc đóng tàu, tàu chưa hoàn thiện, chưa sử dụng được nên ông H đã thuê gia công thêm.

Ông P thừa nhận trách nhiệm của ông là hỗ trợ gắn phần đã thuê gia công cơ khí đối với con tàu thì mới sử dụng được. Ông H cho rằng chứng cứ do phía nguyên đơn nộp để khởi kiện là không phù hợp vì chị G xác nhận ông H còn nợ ông P là không đúng. Người làm chứng cho nguyên đơn là ông T, bà T1 là người thân của ông P nên việc làm chứng không khách quan. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P thừa nhận đã nhận 162 khối gỗ x giá 2.450.000 đồng mà phía bị đơn thừa nhận. Do ông P chỉ gia công 159 khối gỗ x 2.450.000 đồng/khối gỗ và số tiền ông H thuê gia công tiếp để tàu hoàn thiện sử dụng được thì ông H thừa nhận chỉ còn nợ ông P số tiền 1.550.000 đồng.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, tuyên xử theo hướng: không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 02/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét

xử nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thanh H kháng cáo và gửi thủ tục kháng cáo hợp lệ trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Vào ngày 09/01/2016, ông Võ Văn P có thuê ông Nguyễn Thanh H đóng gia công một chiếc tàu cá, hai bên thỏa thuận miệng về số lượng gỗ đóng tàu là 162 khối gỗ, giá gia công một khối gỗ là 2.500.000 đồng, tổng số tiền nhận gia công là 405.000.000 đồng và tiến hành thực hiện hợp đồng. Xét thấy, nội dung hợp đồng gia công mà các bên thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp quy định tại Điều 119 Bộ luật dân sự nên hợp đồng có hiệu lực thi hành theo quy định tại Điều 542 Bộ luật dân sự.

[2] Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Võ Văn P tiến hành gia công đóng tàu theo giao kết đến khi kết thúc gia công, ông Nguyễn Thanh H đã nhiều lần thanh toán cho ông Võ Văn P số tiền thuê gia công đóng tàu từ ngày 09/3/2016 đến ngày 27/12/2021 với tổng số tiền là 355.000.000 đồng, thể hiện tại các giấy biên nhận do nguyên đơn và bị đơn cung cấp như giấy ghi “Tiền ghe bác tu” (BL 25) còn nợ 160.000.000 đồng, ngày 25/12/2018 gửi 20.000.000 đồng còn lại 140.000.000 đồng và tờ giấy ghi “đóng ghe chú H” (BL 35). Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông H thừa nhận nội dung giấy ghi “Tiền ghe bác tu” do con ông H là chị Nguyễn Băng G ghi.

[3] Tại biên bản đối chất ngày 29/9/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm, hai bên đều cho rằng việc gia công tàu đến khoảng cuối năm 2016 là kết thúc. Nhận thấy, sau khi kết thúc thời hạn gia công đóng tàu, ông H vẫn thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông P mà không có ý kiến hay tranh chấp gì đối với số tiền còn thiếu do chị G ghi nêu trên. Sau đó, phía ông H có trả tiếp cho ông P còn nợ số tiền 50.000.000 đồng. Quá trình tố tụng, ông P cho rằng đã sử dụng 162 khối gỗ để gia công đóng tàu cho ông H, ông P có cung cấp giấy xác nhận của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X là xưởng gỗ nơi ông H đã mua gỗ để giao cho ông P đóng tàu. Tại phiên tòa, ông P xác định số khối gỗ còn lại sau khi đóng tàu là ½ khối gỗ. Người đại diện theo ủy quyền của ông H thống nhất việc ông H đã mua của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X 162 khối gỗ để thuê ông P gia công đóng tàu, nhưng cho rằng ông P chỉ sử dụng 159 khối gỗ để đóng tàu và giá gia công là 2.450.000 đồng/khối gỗ, số gỗ còn lại sau khi gia công là 03 khối gỗ, tuy nhiên ông H không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông H. Mặt khác, giữa hai bên không có thỏa thuận việc bên nhận gia công sẽ tiến hành gia công những bộ phận nào của tàu cá, gia công đến công đoạn nào sẽ hoàn tất theo thỏa thuận, do đó lời trình bày của bị đơn và người làm chứng cho bị đơn tại phiên tòa cũng như xác nhận của người làm

chứng do bị đơn cung cấp là không có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông P nhận gia công đóng tàu cho ông H số tiền 2.500.000 đồng/khối gỗ và số lượng gỗ đã gia công là 161,5 khối gỗ, thành tiền là 403.750.000 đồng là có cơ sở. Do ông H đã thanh toán cho ông P số tiền 355.000.000 đồng, còn lại số tiền 48.750.000 đồng chưa thanh toán, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, buộc ông H có trách nhiệm thanh toán cho ông P số tiền này là có căn cứ.

[4] Về trách nhiệm liên đới:

[4.1] Tại biên bản xác minh ngày 14/12/2023 tại Tòa án nhân dân huyện Ba Tri thể hiện: Ông Nguyễn Thanh H và bà Lương Thị M1 là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. Quá trình giải quyết vụ án, ông H có trình bày việc đóng tàu để dùng vào mục đích kinh tế chung của gia đình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H, bà M1 có trách nhiệm liên đới trả số tiền nêu trên cho ông P là có cơ sở.

[4.2] Đối với chị Nguyễn Băng G (con ông H) thì ông H cho rằng việc chị G trả tiền cho ông P là do ông H nhờ đi trả giúp chứ chị G không biết việc hợp đồng giữa ông H và ông P; chị G cũng có công việc thu nhập riêng, chị G không làm kinh tế chung với ông H, nên Tòa án cấp sơ thẩm không buộc chị Nguyễn Băng G cùng liên đới với ông H, bà M1 trả số tiền nêu trên cho ông Võ Văn P là phù hợp.

[5] Ông P tự nguyện không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận là đúng quy định của pháp luật.

[6] Xét thấy, bị đơn ông Nguyễn Thanh H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn P nhưng ông H không có chứng cứ mới chứng minh tại phiên tòa phúc thẩm nên kháng cáo của ông H không có cơ sở để chấp nhận.

[7] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 02/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

[10] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 02/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào các Điều 26, 36, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 119, 542, 544, 552, 547 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn P.

Buộc ông Nguyễn Thanh H, bà Lương Thị M1 liên đới thanh toán cho ông Võ Văn P số tiền còn nợ là 48.750.000 đồng (Bốn mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Ghi nhận việc ông P không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu chị Nguyễn Băng G có trách nhiệm liên đới cùng ông Nguyễn Thanh H và bà Lương Thị M1 trả cho ông Võ Văn P số tiền nợ 48.750.000 đồng (Bốn mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

3.1. Ông Nguyễn Thanh H, bà Lương Thị M1 phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.437.500 đồng (Hai triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

3.2. Hoàn trả cho ông Võ Văn P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004193 ngày 26/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004044 ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Ông H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện Ba Tri (1b);
- Chi cục THADS huyện Ba Tri (1b);
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh (2b);
- Các đương sự (5b);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt